TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ L** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2019/HN-ST
Ngày 24 tháng 6 năm 2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Hữu Tấn
2. Ông Đặng Khoa Thi

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Bích - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Dương Chí Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 690/2018/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 9 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định Hoãn phiên tòa số: 76/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 29 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích S
+ Địa chỉ: Khóm Đ8, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Lâm Ngọc T
+ Địa chỉ: Khóm Đ8, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lâm Ngọc T qua mai mối tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M vào ngày 08/01/2002. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, ông T không quan tâm đến gia đình, vợ con. Mặc dù đã cố gắng hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả.

Do mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm dành cho nhau không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên bà S yêu cầu ly hôn ông T.

Về con chung: Ông bà có hai con chung tên Lâm Ngọc T, sinh ngày 04/8/2002 và Lâm Tấn A, sinh ngày 11/4/2006 hiện do bà S chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà S yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Lâm Ngọc T mặc dù đã được tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông T vẫn vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với các yêu cầu của bà Nguyễn Thị Bích S. Tại phiên tòa hôm nay, ông T tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của đương sự và đề xuất việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết đúng quy định tại khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các văn bản tố tụng được tống đạt đúng quy định tại Điều 177 BLTTDS 2015. Về thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 203 BLTTDS 2015. Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về xét xử vụ án. Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS 2015. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Bích S đối với ông Lâm Ngọc T.

- Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của bà S được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, bà S không yêu cầu ông T cấp dưỡng, nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Phiên tòa hôm nay mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng ông Lâm Ngọc T vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do, bà S không yêu cầu hoãn phiên tòa. Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Lâm Ngọc T.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bích S và ông Lâm Ngọc T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M vào năm 2002, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Nguyên nhân ly hôn theo bà S trình bày, sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh

phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, mặc dù đã cố gắng hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả. Do mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm dành cho nhau không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên bà S yêu cầu ly hôn ông T.

[3] Theo Biên bản xác minh của Tòa án tại Công an phường M thể hiện: Đương sự Lâm Ngọc T, sinh năm 1976 hiện nay có đăng ký Hộ khẩu thường trú tại số khóm Đ8, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang và theo Biên bản xác minh của Tòa án tại Ủy ban nhân dân phường M thể hiện: Đương sự Lâm Ngọc T, sinh năm 1976 và chị Nguyễn Thị Bích S mâu thuẫn vợ chồng địa phương không nắm rõ và tài sản chung địa phương không nắm rõ, nên không thể cung cấp cho Tòa án nhân dân thành phố L được.

[4] Qua lời trình bày của nguyên đơn và xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, nhận thấy, quá trình giải quyết vụ án ông T vắng mặt không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà S về tranh chấp ly hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung, không cung cấp, giao nộp chứng cứ và vắng mặt trong các buổi làm việc theo thông báo của Tòa án. Tại phiên tòa, ông T tiếp tục vắng mặt không có lý do là không có thiện chí hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử động viên bà S vì con tạo cơ hội vợ chồng đoàn tụ, nhưng bà S vẫn kiên quyết ly hôn. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc thật sự cho cả hai. Do đó, căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Bích S được ly hôn ông Lâm Ngọc T, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về con chung: Ông bà có hai con chung tên Lâm Ngọc T, sinh ngày 04/8/2002 và Lâm Tấn A, sinh ngày 11/4/2006 hiện do bà S chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà S yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, hai con chung hiện do bà S chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu T và cháu A cũng có nguyện vọng được sống với bà S, nếu ba mẹ ly hôn. Ông T không tranh chấp quyền nuôi con. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho hai con chung của ông T và bà S, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà S được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con, cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, đây là quyền lợi của con chưa thành niên. Tuy nhiên, bà S là người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn nhưng không yêu cầu ông T cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Bà S phải tạo điều kiện cho ông T được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà S trình bày không có.

[7] Ông T không có văn bản trình bày ý kiến về tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử chưa xem xét giải quyết. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp, khởi kiện vụ kiện khác.

[8] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bích S phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228; khoản 4, Điều 147; khoản 1, Điều 273; khoản 1, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; khoản 2, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Điều 6; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1 Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Bích S được ly hôn ông Lâm Ngọc T.

2 Về con chung: Ông bà có hai con chung tên Lâm Ngọc T, sinh ngày 04/8/2002 và Lâm Tấn A, sinh ngày 11/4/2006.

Bà S được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung.

Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do bà S không yêu cầu.

Bà S phải tạo điều kiện cho ông T được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung. Việc nuôi con không cố định.

3 Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bích S phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009908, ngày 12/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L. Bà S đã nộp đủ tiền án phí.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi gởi:
- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND TPL;
- Thi hành án DS TPL;
- UBND P. M, TPL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

Nguyễn Thị Hoa

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoa